Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 09.02.2021 16:32:44 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH** Số: 355 /QĐ-UBND	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Tây Ninh, ngày 09 tháng 02 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành "Chương trình Điều chỉnh mức sinh đến năm 2030" tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết 137/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt "Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng đối tượng đến năm 2030";

Căn cứ Kế hoạch số 67-KH/TU ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tỉnh ủy Tây Ninh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Kế hoạch số 1241/KH-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh Tây Ninh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Kế hoạch số 67-KH/TU ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tỉnh ủy Tây Ninh về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 3297/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh Ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh Tây Ninh thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 95/TTr-SYT ngày 11 tháng 01 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình Điều chỉnh mức sinh đến năm 2030 tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Chương trình. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP;
- KGVX;
- Lưu: VT.VP UB tỉnh.

10 Sang.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
ĐIỀU CHỈNH MỨC SINH ĐẾN NĂM 2030 TỈNH TÂY NINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh

I. SỰ CẦN THIẾT

Mức sinh là một trong những chỉ báo Dân số học quan trọng nhất, góp phần quyết định quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và do đó tác động mạnh đến sự phát triển bền vững của quốc gia nói chung và của địa phương nói riêng. Nếu mức sinh quá cao so với mức chết sẽ gây bùng nổ dân số, thách thức các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội. Ngược lại, mức sinh quá thấp là nguyên nhân chủ yếu của già hóa nhanh, thiếu hụt lực lượng lao động và nhiều vấn đề xã hội khác.

Điều chỉnh mức sinh phù hợp là mục tiêu xuyên suốt của Đảng và Nhà nước từ khi ban hành chính sách dân số đầu tiên cho đến nay. Trong thời gian qua, nhằm khống chế tốc độ gia tăng dân số nhanh ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, các chính sách dân số của nước ta với các quan điểm và hệ thống giải pháp đồng bộ nhằm thực hiện mục tiêu nhất quán là giảm mức sinh, giảm tỷ lệ gia tăng dân số, giảm sức ép của dân số đến quá trình phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Quán triệt mục tiêu, quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị và ủng hộ của các tầng lớp nhân dân, trong thời gian qua, Tây Ninh đã đạt được những thành tựu quan trọng việc thực hiện chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình. Tuy nhiên, hiện nay Tây Ninh đang đối mặt với thực trạng mức sinh trên đà xuống thấp; nằm trong 21 tỉnh, thành phố có mức sinh thấp. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến cơ cấu dân số và sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh trong tương lai, khi tỷ lệ người trẻ và người trong độ tuổi lao động ngày càng giảm và tỷ lệ người cao tuổi ngày càng tăng. Mức sinh thấp kéo dài sẽ để lại nhiều hệ lụy như già hóa dân số nhanh, thiếu hụt lao động, ảnh hưởng đến an sinh xã hội,...

Việc điều chỉnh mức sinh phù hợp là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và nhân dân trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Để triển khai Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh xây dựng Chương trình Điều chỉnh mức sinh đến năm 2030 nhằm điều chỉnh mức sinh của tỉnh phù hợp, kéo dài được thời kỳ cơ cấu "dân số vàng", làm chậm lại quá trình già hóa dân số, hướng tới ổn định

quy mô dân số và cơ cấu dân số hợp lý hơn, bảo đảm an sinh, phát triển kinh tế-xã hội, vì sự phát triển bền vững của tỉnh trong tương lai, góp phần phát triển nhanh bền vững đất nước.

II. THỰC TRẠNG MỨC SINH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Kết quả đạt được

Trong thời gian qua, tỉnh đã kiểm soát thành công tốc độ gia tăng nhanh dân số, quy mô dân số ổn định, dân số trung bình năm 2009 là 1.067.155 người, năm 2019 là 1.171.683 người (bình quân mỗi năm tăng 10.452 người), tốc độ tăng dân số bình quân giai đoạn 2009-2019 là 0,98%, (toàn quốc 1,14%). Tỷ suất sinh thô giảm từ 15,8‰ xuống còn 11,64‰, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên luôn duy trì dưới 1%. Tổng tỷ suất sinh 1,53 con/phụ nữ.

Kết quả kiểm soát thành công tốc độ gia tăng nhanh dân số, ổn định được quy mô dân số đã góp phần quan trọng vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo của tỉnh, tỷ lệ hộ nghèo dưới 1%, không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn Trung ương. Chất lượng dân số được cải thiện nhiều mặt, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em giảm còn 11,3%, tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi giảm còn 11,1‰, không còn tình trạng tử vong mẹ. Tuổi thọ bình quân của người dân đạt 74,8 tuổi, cao hơn tuổi thọ bình quân cả nước 73,6 tuổi. Số lượng và tỷ trọng dân số phụ thuộc giảm, dân số trong độ tuổi lao động tăng, cơ cấu dân số chuyển dịch tích cực, tỉ trọng trẻ em dưới 15 tuổi đạt 21,3%; tỉ trọng người từ 15-64 tuổi đạt 71,7%, tỉ trọng người từ 65 tuổi trở lên đạt 7,0%; tỉ lệ phụ thuộc chung đạt 39,4%. Đây là thành công lớn mà Chương trình dân số đã đạt được, có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh thời gian qua.

Mức sinh giảm dẫn tới xuất hiện cơ cấu dân số vàng, có tác động mạnh đến tăng trưởng kinh tế, giảm áp lực dân số lên hệ thống giáo dục và giảm mức chết trẻ em, tử vong mẹ, là cơ hội để cải thiện sức khỏe, đặc biệt là sức khỏe sinh sản cho vị thành niên, thanh niên, sử dụng nguồn lao động dồi dào cho tăng trưởng và phát triển kinh tế. Các kết quả này dẫn đến làm tăng các chỉ số thành phần: kinh tế, giáo dục và tuổi thọ, cuối cùng là tăng HDI. Cơ cấu "dân số vàng" tạo cơ hội cho tích lũy nguồn lực để tăng đầu tư cho an sinh xã hội, y tế, giáo dục, việc làm trong tương lai.

2. Một số tồn tại, hạn chế chủ yếu

Tây Ninh đã đạt được những thành tựu giảm sinh trong hơn một thập kỷ vừa qua. Tuy nhiên, công tác dân số trong tình hình mới còn tồn tại, hạn chế cụ thể như sau:

- Mức sinh thấp có xu hướng giảm mạnh, không được duy trì tốt ở mức 2,1 con/phụ nữ mà có xu hướng tiếp tục giảm thấp hơn mức sinh thay thế và những năm gần đây luôn ở mức thấp. Tổng tỷ suất sinh bình quân trong 05 năm (2015-2019) là 1,66 con/phụ nữ. Đặc biệt trong những năm gần đây ở mức rất thấp: năm 2018 còn 1,46 con/phụ nữ, năm 2019 còn 1,53 con/phụ nữ.

- Công tác truyền thông dân số chưa chuyển hướng phù hợp, chưa bắt kịp tình hình thực tế của tỉnh vẫn tập trung nội dung vào vận động giảm sinh, chậm đổi mới, chưa chú trọng vào vận động sinh đủ hai con; không phù hợp với tình hình mức sinh đã xuống thấp; chưa khai thác, phát huy được lợi thế của các loại hình truyền thông hiện đại.

- Tình trạng phụ nữ sinh một con, kết hôn muộn, hiếm muộn hoặc độc thân không sinh con có xu hướng tăng đã ảnh hưởng đến mức sinh của tỉnh.

3. Một số nguyên nhân của một số tồn tại, hạn chế

- Nhận thức của cấp ủy, chính quyền và người dân về sinh đủ hai con chưa đầy đủ, đặc biệt là hệ lụy của mức sinh thấp.

- Do tập trung thực hiện mục tiêu giảm sinh nên trong thời gian qua các chính sách và thông điệp truyền thông chưa kịp chuyển đổi phù hợp với biến động mức sinh của địa phương.

- Nguồn lực đầu tư trong thời gian qua chưa tính đến đặc thù mức sinh thấp; chưa tạo được sự chủ động, quan tâm đầu tư của cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc thực hiện chính sách sinh đủ hai con. Mặt khác, tổ chức bộ máy thời gian qua thiếu ổn định, không đủ nhân lực để nghiên cứu, tham mưu, tổ chức thực hiện kịp thời các vấn đề dân số mới phát sinh.

- Xã hội ngày càng phát triển, đô thị hóa tăng và phát triển kinh tế dẫn đến áp lực cuộc sống và công việc đã làm tình trạng kết hôn muộn, sinh con muộn, sinh ít con và không muốn sinh con ngày càng gia tăng. Bên cạnh đó, việc nuôi dạy, chăm sóc trẻ hiện nay đòi hỏi rất nhiều chi phí; hạ tầng giáo dục, y tế và các dịch vụ xã hội cơ bản còn nhiều bất cập tại các khu công nghiệp, khu kinh tế; thiếu chính sách đủ mạnh để người dân sinh đủ hai con.

4. Bài học kinh nghiệm

- Yếu tố quyết định sự thành công của công tác dân số là sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; đặc biệt là vai trò của người đứng đầu, song hành với ban hành chính sách và đầu tư nguồn lực tương ứng với mục tiêu nhiệm vụ đề ra là yếu tố quyết định tới thành công của việc thực hiện chính sách DS-KHHGĐ.

- Tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có ảnh hưởng sâu rộng, lan tỏa đến việc thực hiện các mục tiêu dân số trong cộng đồng. Thực tế cho thấy nơi nào có cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức gương mẫu thì nơi đó công tác dân số được quan tâm và thực hiện tốt.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục kết hợp cung cấp các dịch vụ dân số thường xuyên, liên tục gắn với hoàn thiện pháp luật và kỷ cương, kỷ luật. Thực hiện quyền phải đi đôi với nghĩa vụ công dân là một trong những nhân tố quan trọng góp phần thực hiện thành công mục tiêu công tác dân số.

- Tổ chức bộ máy phải ổn định, thống nhất, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của

các cấp ủy Đảng, chính quyền và sự chỉ đạo xuyên suốt về chuyên môn sẽ mang lại hiệu quả cao trong tổ chức, quản lý, điều phối các hoạt động chương trình và giải quyết kịp thời các vấn đề dân số phát sinh.

- Hệ thống các ban ngành, đoàn thể tích cực tham gia và phối hợp thực hiện nhất là trên lĩnh vực truyền thông dân số để chuyển tải chính sách dân số rộng rãi đến mọi tầng lớp nhân dân sẽ góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu dân số.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phấn đấu từng bước nâng mức sinh lên đạt mức sinh thay thế và duy trì vững chắc mức sinh thay thế trên phạm vi toàn tỉnh, thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, bảo đảm phát triển kinh tế-xã hội nhanh, bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tăng ít nhất 10% tổng tỷ suất sinh ở các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh, phấn đấu đến năm 2030 đạt từ 2,0-2,2 con/phụ nữ.

- Duy trì vững chắc mức sinh thay thế khi kết quả đạt được sớm hơn mục tiêu (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có từ 2,0 đến 2,2 con).

IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

1. Đối tượng

- Nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ.

- Lãnh đạo cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp trong hệ thống chính trị; doanh nghiệp, tổ chức; người có uy tín, người đứng đầu tổ chức tại cộng đồng, tôn giáo, dòng họ, cá nhân liên quan.

2. Phạm vi và thời gian thực hiện

a). Phạm vi: Thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.

b). Thời gian thực hiện: Từ năm 2020 đến năm 2030.

Giai đoạn 2020-2025: Triển khai các hoạt động của Chương trình trên phạm vi toàn tỉnh; thí điểm và mở rộng mô hình khuyến khích cặp vợ chồng sinh đủ hai con.

Giai đoạn 2026-2030: Đánh giá, điều chỉnh, mở rộng và nâng cao chất lượng các hoạt động; hoàn thiện chính sách, biện pháp điều chỉnh mức sinh.

V. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền

a) Tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa việc chuyển hướng công tác dân số từ tập trung vào việc giảm sinh sang sinh đủ hai con và duy trì mức sinh thay thế. Thống nhất nhận thức trong lãnh đạo và chỉ đạo cuộc vận động thực hiện mỗi gia

đình, cặp vợ chồng sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc.

Trên cơ sở xác định hiện trạng và xu hướng mức sinh của địa phương, xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch với chỉ tiêu cụ thể để điều chỉnh mức sinh của địa phương cho từng giai đoạn cụ thể hướng đến mục tiêu đạt mức sinh thay thế - mỗi gia đình, mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con.

Cấp ủy đảng, chính quyền chủ trì, huy động các ngành, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện kế hoạch; giao nhiệm vụ cụ thể cho từng địa phương, đơn vị trong tổ chức thực hiện. Thường xuyên giám sát, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện của các địa phương để có biện pháp điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương trong từng thời kỳ.

Thực hiện các quy định đảm bảo sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong thực hiện sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc; gắn kết quả thực hiện các mục tiêu điều chỉnh mức sinh được giao cho các địa phương, đơn vị với đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị, nhất là những người đứng đầu.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

a) Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền sâu, rộng các nội dung của Nghị quyết 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Kế hoạch số 67-KH/TU ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tỉnh ủy Tây Ninh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới nhằm tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội về việc chuyển hướng chính sách dân số từ tập trung vào kế hoạch hóa gia đình sang giải quyết toàn diện các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố và nâng cao chất lượng dân số. Đặc biệt tập trung tuyên truyền nội dung chuyển hướng chính sách về quy mô dân số từ tập trung vào nỗ lực giảm sinh sang duy trì mức sinh thay thế trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Phát triển hệ thống thông điệp truyền thông, nội dung tuyên truyền, vận động phù hợp với mức sinh thay thế và mức sinh thấp với khẩu hiệu vận động là "Mỗi gia đình, cặp vợ chồng sinh đủ hai con". Tập trung tuyên truyền vào lợi ích của việc sinh đủ hai con; các yếu tố bất lợi của việc kết hôn, sinh con quá muộn; sinh ít con đối với phát triển kinh tế-xã hội; đối với gia đình và chăm sóc bố, mẹ khi về già. Tập trung vận động nam, nữ thanh niên không kết hôn muộn, không sinh con muộn, mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con và nuôi dạy con tốt.

c) Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động với các hình thức đa dạng, phong phú, sinh động và thuyết phục. Nâng cao hiệu quả hoạt động truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, chú trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thông đa phương tiện, internet và mạng xã hội. Sử dụng hợp lý các loại hình văn hóa, văn nghệ, giải trí.,... Đặc biệt đẩy mạnh các hoạt động truyền thông

trực tiếp nhất là hoạt động truyền thông tại nhà, tại cộng đồng thông qua đội ngũ cộng tác viên, tuyên truyền viên, y tế thôn bản.

d) Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi trong hệ thống giáo dục. Bảo đảm trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản, có hệ thống về cấu tạo, cơ chế hoạt động của các cơ quan sinh sản ở người, chăm sóc sức khỏe sinh sản; phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, vô sinh và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; định hình giá trị mỗi gia đình nên có hai con vì lợi ích gia đình và tương lai bền vững của đất nước.

đ) Thí điểm triển khai, mở rộng thực hiện chương trình giáo dục bắt buộc trước khi kết hôn đối với thanh niên nam, nữ chuẩn bị kết hôn. Chương trình phải bảo đảm cung cấp cho nam, nữ thanh niên các kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản liên quan trực tiếp đến cuộc sống vợ chồng; chăm sóc, nuôi dạy con, quản lý kinh tế gia đình; củng cố giá trị mỗi gia đình nên có hai con, nuôi dạy con tốt và xây dựng gia đình bình đẳng, ấm no, tiến bộ, hạnh phúc.

3. Thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích

- Cụ thể hóa các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phù hợp với đặc điểm mức sinh của địa phương.

- Rà soát, bãi bỏ các chính sách khuyến khích sinh ít. Từng bước ban hành, thực hiện các chính sách khuyến khích sinh đủ hai con áp dụng cho các gia đình, cộng đồng.

- Rà soát, bãi bỏ các quy định của các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cộng đồng liên quan đến mục tiêu giảm sinh, tiêu chí giảm sinh con thứ 3 trở lên.

- Triển khai thí điểm các mô hình can thiệp thích hợp khuyến khích gia đình, cặp vợ chồng sinh đủ hai con:

+ Hỗ trợ tư vấn, cung cấp dịch vụ hôn nhân và gia đình: Phát triển các câu lạc bộ kết bạn trăm năm, hỗ trợ nam, nữ thanh niên kết bạn; tư vấn sức khỏe trước khi kết hôn; khuyến khích nam, nữ kết hôn trước 30 tuổi, không kết hôn muộn và sớm sinh con, phụ nữ sinh con thứ hai trước 35 tuổi.

+ Xây dựng môi trường, cộng đồng phù hợp với các gia đình nuôi con nhỏ. Thí điểm, nhân rộng các dịch vụ thân thiện với người lao động như đưa, đón trẻ, trông trẻ, ngân hàng sữa mẹ, bác sỹ gia đình,... Chú trọng quy hoạch, xây dựng các điểm trông, giữ trẻ, nhà mẫu giáo phù hợp với điều kiện của bà mẹ, nhất là các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị.

+ Hỗ trợ phụ nữ khi mang thai, sinh con và sinh đủ hai con: Tư vấn, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em bao gồm sàng lọc vô sinh, sàng lọc trước sinh và sau sinh, phòng chống suy dinh dưỡng; tạo điều kiện trở lại nơi làm việc cho phụ nữ sau khi sinh con; miễn giảm các khoản đóng góp công ích theo hộ gia đình ...

+ Hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con: mua nhà ở xã hội, thuê nhà ở; ưu tiên vào các trường công lập, hỗ trợ chi phí giáo dục trẻ em; xây dựng mô hình quản lý, phát triển kinh tế gia đình; từng bước thí điểm các biện pháp tăng trách nhiệm đóng góp xã hội, cộng đồng đối với những trường hợp cá nhân không muốn kết hôn hoặc kết hôn quá muộn.

4. Mở rộng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ có liên quan

a) Phổ cập dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản tới mọi người dân đảm bảo công bằng, bình đẳng trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ, không phân biệt giới, người đã kết hôn, người chưa kết hôn.

b) Triển khai các loại hình phòng, tránh vô sinh từ tuổi vị thành niên tại cộng đồng; đẩy mạnh tiếp thu, chuyển giao công nghệ, phát triển mạng lưới hỗ trợ sinh sản.

5. Các nhiệm vụ và giải pháp khác

a) Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

- Cập nhật kiến thức kỹ năng mới, tập huấn lại bảo đảm đội ngũ cộng tác viên dân số đáp ứng nhiệm vụ chuyển trọng tâm từ giảm sinh sang sinh đủ hai con, thực hiện đầy đủ, có hiệu quả việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện sinh đủ hai con và tham gia cung cấp một số dịch vụ tới tận hộ gia đình.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ làm công tác dân số các cấp, các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, đặc biệt là kiến thức, kỹ năng lồng ghép các nội dung điều chỉnh mức sinh vào nhiệm vụ, hoạt động của các ngành, đơn vị.

- Đưa nội dung về điều chỉnh mức sinh vào chương trình đào tạo, tập huấn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

b) Nghiên cứu khoa học và hệ thông tin quản lý

- Nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ về quy mô dân số, mức sinh trong mối quan hệ qua lại với phát triển kinh tế - xã hội; các nghiên cứu tác nghiệp về những giải pháp, can thiệp nhằm điều chỉnh mức sinh phù hợp cho từng giai đoạn của địa phương.

- Đưa chỉ tiêu tăng tổng tỷ suất sinh vào hệ thống các chỉ tiêu kinh tế-xã hội của địa phương giai đoạn 2021-2030. Thường xuyên cung cấp, thông tin về động thái dân số và thực trạng mức sinh cho các cơ quan chỉ đạo, điều hành ở địa phương.

c) Kiểm tra, giám sát, đánh giá

- Định kỳ kiểm tra, giám sát hỗ trợ, đánh giá; kịp thời đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn.

- Sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2020-2025 để điều chỉnh cho phù hợp với giai đoạn 2026-2030.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Chương trình do ngân sách nhà nước bảo đảm theo khả năng cân đối ngân sách trong từng thời kỳ, theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán chi của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện công tác dân số theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Việc quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình thực hiện theo các quy định tài chính hiện hành của Nhà nước.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế: Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan:

- Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn và triển khai các nội dung của Chương trình trên phạm vi toàn tỉnh.

- Hàng năm, lập dự toán kinh phí thực hiện Chương trình tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách Nhà nước gửi Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách.

- Rà soát, đề xuất bãi bỏ các chính sách khuyến khích sinh ít; bãi bỏ các quy định của các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cộng đồng liên quan đến mục tiêu giảm sinh, tiêu chí giảm sinh con thứ 3 trở lên.

- Tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành các Nghị quyết, Quyết định về hỗ trợ, khuyến khích mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con.

- Triển khai thí điểm các mô hình can thiệp thích hợp khuyến khích gia đình, cặp vợ chồng sinh đủ hai con.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình và định kỳ báo cáo Bộ Y tế, UBND tỉnh theo quy định.

- Đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2020-2025 để điều chỉnh cho phù hợp với giai đoạn 2026-2030.

2. Sở Lao động Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chú trọng các đối tượng ưu tiên, đặc biệt khu công nghiệp, khu kinh tế để khuyến khích sinh đủ hai con. Tổ chức triển khai các chương trình, đề án, dự án về bình đẳng giới, bảo trợ xã hội, giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và xóa đói giảm nghèo.

3. Sở Xây dựng: chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho người lao động khu công nghiệp, khu kinh tế để khuyến khích sinh đủ hai con.

4. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư: cân đối bố trí kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác liên quan.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo: đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường phù hợp với

từng cấp học, lứa tuổi trong và ngoài nhà trường; định hình giá trị mỗi gia đình nên có hai con vì lợi ích gia đình và tương lai bền vững của đất nước.

6. Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền về công tác dân số, nhằm tạo sự chuyển biến căn bản về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân về nhiệm vụ, nội dung công tác dân số trong tình hình mới. Đặc biệt tập trung tuyên truyền nội dung chuyển hướng chính sách về quy mô dân số từ tập trung vào nỗ lực giảm sinh sang duy trì mức sinh thay thế trên phạm vi toàn tỉnh.

7. Cục Thống kê tỉnh: chủ trì, phối hợp với Sở Y tế thu thập, chia sẻ đầy đủ, chính xác, kịp thời số liệu về tổng tỷ suất sinh cho các cơ quan có liên quan phục vụ cho việc đề xuất các giải pháp, can thiệp nhằm điều chỉnh mức sinh phù hợp từng giai đoạn.

8. Đài Phát thanh Truyền hình và các cơ quan thông tin đại chúng khác: Xây dựng chuyện mục, phóng sự phát sóng tuyên truyền về lợi ích của việc sinh đủ hai con; các yếu tố bất lợi của việc kết hôn, sinh con quá muộn; sinh ít con đối với phát triển kinh tế - xã hội; đối với gia đình và chăm sóc bố, mẹ khi về già; tập trung vận động nam, nữ thanh niên không kết hôn muộn, không sinh con muộn, mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con và nuôi dạy con tốt.

9. Các sở, ngành khác thuộc UBND tỉnh tham gia thực hiện chương trình trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ đã được giao.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan xây dựng Chương trình Điều chỉnh mức sinh của địa phương, phân công rõ trách nhiệm của từng ngành trong việc triển khai thực hiện Chương trình; lồng ghép với các chương trình, đề án, dự án liên quan trên địa bàn.

- Trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch,...để đưa mục tiêu, chỉ tiêu quy mô dân số và mức sinh vào hệ thống các chỉ tiêu kinh tế-xã hội giai đoạn 2021-2030; rà soát, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội cho phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình và định kỳ báo cáo UBND tỉnh, Sở Y tế theo quy định.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Nông dân và các tổ chức thành viên khác của Mặt trận trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia tổ chức triển khai và giám sát việc thực hiện Chương trình.

Trên đây là Chương trình Điều chỉnh mức sinh đến năm 2030 của tỉnh Tây Ninh, đề nghị các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến./.